

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2020/DS-ST
Ngày 23 tháng 3 năm 2020
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Vượng và ông Nguyễn Văn Tư.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam- Kiểm sát viên.

Trong ngày 23/3/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 11/2020/TLST-DS ngày 15 tháng 01 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXX-ST ngày 03/3/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2020/QĐST-DS ngày 17/3/2020 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 159 đường B, tổ dân phố M, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (có mặt)

*** Bị đơn:**

1. Anh Ngô Quang Đ, sinh năm 1994. (vắng mặt)

2. Chị Lê Phương L, sinh năm 1996. (vắng mặt)

Đều địa chỉ: Số 03, tổ dân phố M, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

*** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:** Ông Ngô Văn T, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số 159 đường B, tổ dân phố M, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang. (vắng mặt, có đơn xin xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện đề ngày 13/01/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Do có quan hệ họ hàng nên bà H cho vợ chồng anh Ngô Quang Đ và chị Lê Phương L vay 2 lần tiền.

Lần 1 ngày 30/9/2016 cho vay số tiền là 20.000.000đ.

Lần 2 ngày 14/10/2016 cho vay số tiền là 30.000.000đ.

Tổng cộng là 50.000.000đ.

Lãi suất cho vay là 1,5%/1 tháng.

Thời hạn vay: Khi nào bà H cần đến đòi thì anh Đ, chị L sẽ trả.

Trong quá trình vay anh Đ, chị L đã trả bà H lãi đến hết ngày 14/5/2018. Từ đó đến nay anh Đ, chị L chưa trả bà H được một đồng tiền lãi nào. Còn tiền gốc vay: Anh Đ, chị L đã trả cho bà H được 2 lần.

Lần 1 ngày 14/11/2018 trả bà H 10.000.000đ.

Lần 2 ngày 14/01/2019 trả bà H 5.000.000đ.

Tổng cộng: 15.000.000đ.

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án thì bà H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Đ, chị L trả cho bà H số tiền cụ thể như sau:

- Tiền gốc vay: 35.000.000đ.

- Tiền lãi vay:

Tính từ ngày 14/5/2018 đến ngày 14/11/2018 là 6 tháng: $50.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 6 \text{ tháng} = 4.500.000đ$.

Từ ngày 15/11/2018 đến ngày 13/01/2019 thì bà H không tính lãi.

Tạm tính từ ngày 14/01/2019 đến ngày 14/01/2020 nhưng là 12 tháng: $35.000.000đ \times 1,5\%/tháng \times 12 \text{ tháng} = 6.300.000đ$.

Tổng cộng cả gốc và lãi là 45.800.000đ.

Tại phiên tòa, bà H yêu cầu anh Đ, chị L trả cho bà số tiền gốc vay là 35.000.000 đồng. Về lãi suất: Bà H cho vay với lãi suất là 1,5%/tháng nhưng bà không đề nghị tính lãi suất 1,5%/tháng mà bà đề nghị tính lãi suất theo mức lãi suất là 10%/năm, 0,83%/tháng, 0,027%/ngày theo như quy định của pháp luật.

Trong giấy vay ghi cả tên chồng bà H là ông Ngô Văn T nhưng tiền này là tiền riêng của bà H không liên quan gì đến ông Tú.

Bị đơn anh Ngô Quang Đ và chị Lê Phương L vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai trình bày:

Vợ chồng anh Đ, chị L có vay của bà H 2 lần tiền.

Lần 1 ngày 30/9/2016 vay số tiền là 20.000.000đ.

Lần 2 ngày 14/10/2016 vay số tiền là 30.000.000đ.

Tổng cộng là 50.000.000đ.

Lãi suất cho vay là 1,5%/1 tháng.

Trong quá trình vay vợ chồng anh Đ, chị L đã trả cho bà H lãi đến ngày 14/5/2018. Từ đó đến nay chưa trả anh Đ, chị L được một đồng tiền lãi nào. Còn tiền gốc vay: Vợ chồng anh Đ, chị L đã trả cho bà H được 2 lần.

Lần 1 ngày 14/11/2018 trả bà H 10.000.000đ.

Lần 2 ngày 14/01/2019 trả bà H 5.000.000đ.

Tổng cộng: 15.000.000đ.

Nay bà H yêu cầu vợ chồng anh Đ, chị L trả cho anh Đ, chị L số tiền tổng cộng: 45.800.000đ trong đó:

- Tiền gốc vay: 35.000.000đ.

- Tiền lãi vay: 10.800.000 đồng.

Do vợ chồng anh Đ, chị L có khó khăn nên đề nghị bà H cho vợ chồng anh Đ, chị L trả dần theo phân kỳ mỗi tháng trả 3.000.000 đồng kể từ tháng 4/2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xử vắng mặt nên hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Tú. Tại bản tự khai ngày 14/02/2020 ông Tú trình bày:

Do có quan hệ họ hàng nên vợ ông là bà Nguyễn Thị H cho anh Đ, chị L vay 2 lần tiền.

Lần 1 ngày 30/9/2016 cho vay số tiền là 20.000.000đ.

Lần 2 ngày 14/10/2016 cho vay số tiền là 30.000.000đ.

Tổng cộng là 50.000.000đ. Anh Đ và chị L đã trả được 15.000.000 đồng, còn 35.000.000 đồng chưa trả được.

Nay bà H yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng anh Đ, chị L trả cho bà H số tiền gốc và lãi phát sinh. Ông Tú nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà H. Đề nghị Tòa án buộc vợ chồng anh Đ, chị L trả cho bà H số tiền gốc và lãi như yêu cầu của bà H.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng các đương sự: Nguyên đơn, và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng quy định. Bị đơn không chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu vợ chồng anh Ngô Quang Đ và chị Lê Phương L trả cho nguyên đơn số tiền cả gốc và lãi vay tính từ ngày 14/5/2018 đến ngày xét xử 23/3/2020 (Từ ngày 15/11/2018 đến ngày 13/01/2019 thì bà H không tính lãi). Đề nghị Hội đồng xét xử:

Về gốc vay: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền gốc vay 35.000.000 đồng.

Về lãi suất: Hai bên thỏa thuận lãi suất cho vay là 1,5%/tháng. Tuy nhiên tại phiên tòa bà H đề nghị áp dụng lãi suất 10%/năm, 0,83%/tháng, 0,027%/ngày, từ ngày 14/5/2018 đến ngày tòa án xét xử 23/3/2020 (Từ ngày 15/11/2018 đến ngày 13/01/2019 thì bà H không tính lãi) là 6.651.500 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn là vợ chồng anh Ngô Quang Đ và chị Lê Phương L được Tòa án tổng đạt giấy báo phiên tòa hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ 2 không có lý do. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Ngô Văn T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Ngô Quang Đ và chị Lê Phương L và ông Ngô Văn T theo quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn có địa chỉ tại thành phố B, tỉnh Bắc Giang. Do vậy, theo quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Đây là quan hệ tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về Thời hiệu khởi kiện về hợp đồng: Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng là 03 năm, kể từ ngày người có quyền yêu cầu biết hoặc phải biết quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm. Lần cuối cùng ngày 14/01/2019 anh Đ, chị L đã trả cho bà H 5.000.000đ. Do vậy tranh chấp về hợp đồng vay tài sản ngày 30/9/2016 và 14/10/2016 là còn thời hiệu khởi kiện.

[5] Về số tiền gốc vay: Mặc dù anh Đ, chị L vắng mặt không đến Tòa án theo như giấy triệu tập nhưng có bản tự khai trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh Đ, chị L khai nhận ngày 30/9/2016 và ngày 14/10/2016, anh Đ, chị L có vay của bà Nguyễn Thị H 2 lần tổng cộng 50.000.000 đồng. Đến ngày 14/01/2018 đã trả được bà H 15.000.000 đồng, còn lại 35.000.000 đồng chưa trả được. Do vậy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H về việc buộc anh Đ chị L trả cho bà H số tiền gốc vay là 35.000.000 đồng.

[6] Về lãi suất:

Cả nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận lãi suất là 1,5%/tháng. Anh Đ, chị L thừa nhận mới trả lãi cho bà H đến ngày 14/5/2018, còn từ đó đến nay chưa trả cho bà H được một đồng tiền lãi nào mặc dù bà H đã đòi nhiều lần.

Tại phiên tòa, bà H trình bày bà cho vay với lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng nhưng bà không đề nghị tính lãi suất 1,5%/tháng mà bà đề nghị tính lãi suất theo mức lãi suất là 10%/năm, 0,83%/tháng, 0,027%/ngày theo như quy định của pháp luật kể từ ngày 14/5/2018 đến ngày xét xử 23/3/2020 (Từ ngày 15/11/2018 đến ngày 13/01/2019 thì bà H không tính lãi) và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong đối với số tiền còn phải thi hành án, là có lợi cho bị đơn nên cần được chấp nhận. Cụ thể như sau:

Từ ngày 14/5/2018 đến ngày 14/11/2018 là 6 tháng: $50.000.000đ \times 0,83\%/tháng \times 6 tháng = 2.490.000đ$.

Từ ngày 14/01/2019 đến ngày 23/3/2020 là 14 tháng 10 ngày: $35.000.000đ \times 10\%/năm, 0,83\%/tháng, 0,027\%/ngày \times 14 tháng, 10 ngày = 4.161.500đ$.

Tổng cộng lãi: 6.651.500 đồng. Tổng cộng cả gốc và lãi là 41.651.500 đồng.

[7] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: anh Ngô Quang Đ và chị Lê Phương L phải chịu án phí theo quy định. Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí, hoàn trả bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; Điều 35; Điều 147, Điều 228; Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, nộp án phí, lệ phí tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

2. Buộc anh Ngô Quang Đ và chị Lê Phương L phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc vay và lãi suất tổng cộng là 41.651.500 đồng (Bốn mươi một triệu, sáu trăm năm mươi một nghìn, năm trăm đồng), trong đó: gốc vay là 35.000.000 đồng, tiền lãi là 6.651.500 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Ngô Quang Đ và chị Lê Phương L phải chịu 2.082.500 đồng (*Hai triệu không trăm tám mươi hai nghìn năm trăm đồng*). Bà Nguyễn Thị H không phải chịu án phí. Hoàn trả bà Nguyễn Thị H 1.165.000 (*Một triệu một trăm sáu mươi lăm nghìn*) đồng án phí bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Biên lai số AA/2016/0000914 ngày 13/01/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B.

5. Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP B;
- CCTHA-DS TP B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Trường

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ